

Bản án số: 467/2022/HC-PT

Ngày 24 tháng 6 năm 2022.

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý nhà nước trong
lĩnh vực đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phương - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 20, 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 83/2022/TLPT-HC ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm Số 863/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần Thanh H - Văn phòng luật sư Trần Thanh H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: Khu I, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Hồng H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (có văn bản xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phạm Kỳ P - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

- Ông Trần Văn N - Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện G.

Đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã B: Ông Lê Anh T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình (có mặt).

3.2. Bà Đoàn Thị Mỹ N, sinh năm 1987 (có mặt).

3.3. Bà Lương Thị X, sinh năm 1978 (có mặt).

3.4. Trẻ Đoàn Minh T, sinh năm 2014 (vắng mặt).

3.5. Trẻ Đoàn Minh Đ, sinh năm 2015 (vắng mặt).

Cùng Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Đoàn Văn T - Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người khởi kiện ông Đoàn Văn T trình bày:* Phần đất có diện tích 1.061m² thuộc thửa 422 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp Trường Xuân B, xã Thanh Bình, huyện G trước năm 1975 là nền bót của chế độ cũ. Sau năm 1975 còn hoang hóa nên Ủy ban nhân dân xã B có vận động cha mẹ ông T là ông Đoàn Văn Th bà Nguyễn Thị N đến khai phá để mở điểm xay xát lúa để phục vụ cho nhân dân 2 ấp Trường Xuân A và Trường Xuân B. Năm 1980 bà Nguyễn Thị N mở nhà máy xay xát lúa trên thửa đất 422, đến năm 1985 thì giao lại cho con bà Nguyễn Thị N là ông Đoàn Văn T quản lý. Đến năm 1987 Ủy ban nhân dân Chợ Gạo ban hành Quyết định số 959/QĐ-UB ngày 21/10/1987 về việc tạm cấp 1.061m² cho ông T đất sử dụng đất có gắn nhà máy xay xát lúa gạo. Do dân không còn canh tác lúa mà chuyển sang trồng hoa màu nên nhà máy không còn hoạt động xay xát lúa, nên ông T chuyển sang mua bán sinh sống và trồng cây trên đất. Quá trình sử dụng đất ông T có đến Ủy ban nhân dân xã xin đăng ký cấp quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình chưa giải quyết.

Đến ngày 20/5/2013 Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định 708/QĐ-UBND thu hồi quyết định số 959/QĐ-UB về việc tạm cấp đất cho ông Đoàn Văn T với lý do “tạm cấp để ông T xây dựng nhà máy xay xát lúa gạo, nay ông T không còn hoạt động xay lúa gạo”.

Ông T không đồng ý nên có đơn khiếu nại, ngày 15/8/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định số 1183/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông T, giữ nguyên quyết định 708/QĐ-UBND.

Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy quyết định hành chính số 708/QĐ-UB ngày 20/5/2013 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Tại văn bản số 3558/UBND-NC ngày 25/12/2020 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện G có ý kiến:* Diện tích 2.321m² thuộc thửa 422 tọa lạc tại ấp Trường Xuân B, xã Thanh Bình, huyện G trước năm 1975 có nguồn gốc của chế độ cũ sử dụng làm trụ sở hành chính của xã Thanh Bình. Sau năm 1975 Ủy ban nhân dân xã B tiếp thu, quản lý làm hợp tác xã mua bán, kho lương thực của xã. Năm 1979 ông Nguyễn Văn Lắm - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B có vận động bà Nguyễn Thị N cư ngụ tại ấp Lương Phú B, xã Lương Hòa mở điểm xay xát lúa để phục vụ cho nhân dân 2 ấp Trường Xuân A và Trường Xuân B. Năm 1980 bà Nguyễn Thị N mở nhà máy xay xát lúa trên thửa đất 422, đến năm 1985 thì giao lại cho con bà Nguyễn Thị N là ông Đoàn Văn T quản lý. Năm 1987 Ủy ban nhân dân Chợ Gạo ban hành Quyết định số 959/QĐ-UB ngày 21/10/1987 về việc tạm cấp 1.061m²/2.321m² đất cho ông T sử dụng đất thổ cư (không kiên cố) và đất sản xuất.

Năm 2001 điểm xay xát lúa của ông T không còn hoạt động. Ngày 10/6/1997 và các ngày 15/12/2003, ngày 23/02/2007, ngày 05/3/2008, ngày 08/10/2012, ngày 22/2/2013 Ủy ban nhân dân xã B đề nghị Ủy ban nhân dân huyện G thu hồi Quyết định số 959/QĐ-UB Ngày 21/10/1987 về việc tạm cấp 1.061m²/2.321m² cho ông T và giao lại phần đất này cho Ủy ban nhân dân xã B quản lý.

Ngày 28/02/2006 Ủy ban nhân dân huyện G có tờ trình số: 25/TTr-UBND về việc xin chủ trương bán đấu giá phần đất có diện tích 2.321m² nói trên được Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang chấp thuận tại Công văn số 2348/UBND-CN ngày 15/5/2006 và phần đất được phân làm 13 lô nhưng chưa thực hiện được do phần đất tạm cấp cho ông T chưa thu hồi. Ngày 24/10/2010 Ủy ban nhân dân xã B vận động ông T giao trả đất và ưu tiên cho ông T nhận 02 lô tự chọn nhưng ông T không đồng ý. Tại kết luận số 96/KT-TT ngày 22/8/2012 Thanh tra huyện kiến nghị thu hồi phần đất của ông T. Đến ngày 20/5/2013 Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định 708/QĐ-UBND thu hồi quyết định số 959/QĐ.UB về việc tạm cấp đất cho ông Đoàn Văn T và thu hồi diện tích 1.061m² thuộc thửa 422 tờ bản đồ số 22 giao cho Ủy ban nhân dân xã B quản lý.

Sau khi có Quyết định Giám đốc thẩm số 07/2019/HC-GĐT ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05/11/2020 Ủy ban nhân dân huyện G ban hành Công văn số 3046/UBND-NC về việc lập hồ sơ kiểm kê, áp giá hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc hoa màu cho ông T theo nội dung của Quyết định Giám đốc thẩm số 07/2019/HC-GĐT (có biên bản kèm theo).

Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện G không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

- *Tại Văn bản số 385/UBND ngày 15/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã B có ý kiến:* Thửa đất số 422 tờ bản đồ số 22 diện tích 2.321m² tọa lạc tại ấp Trường Xuân B, xã Thanh Bình, huyện G trước năm 1975 là nền bót của chỗ độ cũ. Sau năm 1975 cán bộ và nhân dân xã Thanh Bình khai phá bom mìn thành đất màu để sử dụng. Năm 1979 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B có yêu cầu ông Đoàn Văn Th và bà Nguyễn Thị N là cha mẹ ruột của ông T xây dựng nhà máy xay lúa để phục vụ cho nhân dân. Năm 1987 Ủy ban nhân dân Chợ Gạo tạm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T theo Quyết định số 959/QĐ-UB ngày 21/10/1987 với diện tích 1.061m² thuộc thửa 422. Đến năm

2001 nhà máy xay lúa của ông T không còn hoạt động, nên Ủy ban nhân dân xã B có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện G thu hồi Quyết định số 959/QĐ-UB Ngày 21/10/1987 để giao lại đất cho Ủy ban nhân dân xã quản lý. Năm 2012 Thanh tra nhà nước huyện G tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng đất công của xã Thanh Bình. Thanh Tra huyện G có văn bản kết luận số 96/KL-TT ngày 20/8/2012 kiến nghị cơ quan chức năng làm tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thu hồi phần đất của ông T. Đến ngày 20/5/2013 Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định số 708/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 959/QĐ-UB ngày 21/10/1987 về việc tạm cấp đất cho ông Đoàn Văn T.

Ủy ban nhân dân xã B không chấp nhận hủy quyết định 708/QĐ-UBND ngày 20/5/2013 của Ủy ban nhân dân huyện G.

- Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 13/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang quyết định: “Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T, về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính số 708/QĐ-UB Ngày 20/3/2005 của Ủy ban nhân dân huyện G”.

- Tại bản án hành chính phúc thẩm số: 10/2014/HC-PT ngày 09/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định: “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T và bà Đoàn Thị Mỹ N. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 13/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện G, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T, hủy quyết định hành chính số 708/QĐ-UB ngày 20/5/2013 của Ủy ban nhân dân huyện G, buộc ủy ban nhân dân huyện G thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thu hồi đất và quyết định tạm cấp đất”.

- Tại quyết định Giám đốc thẩm số 07/2019/HC-GĐT ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hủy bản án hành chính phúc thẩm số 10/2014/HC-PT ngày 09/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST Ngày 13/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án tỉnh Tiền Giang để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính số 708/QĐ-UB Ngày 20/3/2005 của Ủy ban nhân dân huyện G.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 11/01/2022 ông Đoàn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do năm 1979 Ủy ban nhân dân xã B có cho gia đình ông T khai phá nền bót của chế độ cũ để xây dựng nhà máy xay lúa phục vụ nhân dân tại địa phương, thời

điểm năm 1979 Ủy ban nhân dân xã B không quản lý đất mà do gia đình ông khai phá đất sử dụng. Ngày 21/10/1987 UBND huyện mới ra quyết định 959 tạm giao 1.061m² cho gia đình ông khai phá để làm nhà máy và canh tác, sản xuất. Nhưng đến 24/5/1997 Ủy ban nhân dân xã B mới ký xác định 1.061m² là đất công do xã quản lý. Tại kết luận của Thanh tra cho rằng ông T không có hộ khẩu tại địa phương vào năm 1987 nên tạm cấp 1.061m² là sai đối tượng, từ đó Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định 708/QĐ-UB ngày 20/5/2013 về việc thu hồi Quyết định 959/QĐ-UB tạm cấp đất là không khách quan. Do đó ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy quyết định hành chính số 708/QĐ-UB ngày 20/5/2013 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Đoàn Văn T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy quyết định hành chính số 708/QĐ-UB ngày 20/3/2005 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông T đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy quyết định hành chính số 708/QĐ-UB ngày 20/3/2005 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Ủy ban nhân dân huyện G có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện G có ý kiến: Sau khi có Quyết định giám đốc thẩm số 07/2019/HC-GĐT, Ủy ban nhân dân huyện G có lập biên bản kiểm kê, áp giá hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc, hoa màu cho ông T theo nội dung của Quyết định Giám đốc thẩm nhưng ông T không đồng ý nên Ủy ban chưa ban hành quyết định bồi thường hỗ trợ cho ông T khi thu hồi đất theo quyết định số 708/QĐ-UB. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết và Ủy ban nhân dân huyện G sẽ thực hiện theo quyết định của Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã B có ông Nguyễn Anh T đại diện đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Đoàn Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Đoàn Văn T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật tổ tụng hành chính.

[2] Ngày 16/9/2013 ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy quyết định hành chính số 708/QĐ-UB Ngày 20/5/2013 của Ủy ban nhân dân huyện G về việc thu hồi Quyết định 959/QĐ-UB ngày 21/10/1987 về việc tạm cấp 1.061m² đất cho ông Đoàn Văn T. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của Luật tổ tụng hành chính năm 2010.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang ban hành quyết định hành chính số 708/QĐ-UB ngày 20/5/2013 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 và Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

[3.2] Về trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành Quyết định bị khiếu kiện:

Xét diện tích 1.061m² đất (theo Quyết định tạm cấp đất số 708/QĐ-UB) nằm trong diện tích chung là 2.321m² thuộc thửa 422 tờ bản đồ số 12 tọa lạc xã Thanh Bình, huyện G, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc là trụ sở hành chính của chế độ cũ. Sau năm 1975 Ủy ban nhân dân xã B, huyện G quản lý. Đến năm 1979 Ủy ban nhân dân xã B có đồng ý cho cha mẹ của ông T là ông Đoàn Văn Th và bà Nguyễn Thị N xây dựng nhà máy xay xát lúa phục vụ nhân dân 02 ấp Trường Xuân A và Trường Xuân B của xã Thanh Bình.

Người khởi kiện ông T khai: Mẹ của ông là bà Nguyễn Thị N có sử dụng đất từ năm 1979 để làm nhà máy xay xát lúa, đến năm 1985 thì bà Nguyễn Thị N giao lại cho ông T tiếp tục quản lý nhà máy xay lúa vì vậy ngày 21/10/1987 ông T được Ủy ban nhân dân huyện G ban hành Quyết định 959/QĐ-UB về việc tạm cấp đất với diện tích 1.061m² đất với mục đích sử dụng đất thổ cư (không kiên cố) và canh tác sản xuất. Nhưng đến ngày 20/5/2013 Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định 708/QĐ-UBND có nội dung: “Thu hồi quyết định 959/QĐ-UB về việc tạm cấp đất cho ông Đoàn Văn T với lý do tạm cấp để ông T xây dựng nhà máy xay xát lúa gạo. Nay ông T không còn hoạt động xay lúa gạo”. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện G ban hành Quyết định số 708/QĐ-UBND. Ông T khiếu nại, nên ngày 15/8/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định số 1183/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông T yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện G thu hồi Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 20/5/2013.

Tại điểm khoản 2 Điều 192 của Luật tổ tụng hành chính quy định Hội đồng xét xử có quyền quyết định: “ a) Bác yêu cầu khởi kiện, nếu yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật; b) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có); buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; đồng thời kiến nghị cách thức xử lý đối với quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy;”.

Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến Quyết định 1183/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn T đối với Quyết định 708/QĐ-UBND là chưa giải quyết chưa triệt để vụ án và chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 192 của Luật tố tụng hành chính.

[3.3] Mặt khác, tại biên bản ngày 29/7/2013 (Bút lục số 211) xác định tại sổ mục kê năm 1997-2008 thể hiện diện tích 2.512m² loại đất phi nông nghiệp thuộc thửa 37 tờ bản đồ số 4 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện G đứng tên kê khai (nhưng trong diện tích 2.512m² có 1.061m² do Ủy ban nhân dân huyện tạm cấp cho ông T vào năm 1987); tờ bản đồ địa chính lập ngày 03/12/2010 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh duyệt ngày 10/12/2012 thì phần đất 2.321m² thuộc thửa 422 tờ bản đồ số 12 do Ủy ban nhân dân xã B quản lý trong đó có 1.061m² đất tạm cấp cho ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T cũng khai rằng sau khi được Ủy ban nhân dân huyện quyết định tạm cấp đất vào năm 1987, ông có làm đơn xin kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất nhưng chưa được Ủy ban xã Thanh Bình, huyện G chưa giải quyết.

Trên thực tế, từ khi có quyết định tạm cấp đất của Ủy ban nhân dân huyện G gia đình ông T đã sử dụng đất liên tục từ năm 1987 đến năm 2013 Ủy ban nhân dân huyện G mới ban hành quyết định thu hồi Quyết định số 959/QĐ.UB về việc tạm cấp đất cho gia đình ông T. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện cũng có ý kiến rằng: Năm 2001 diêm xay xát lúa của ông T không còn hoạt động, nên ngày 28/02/2006 Ủy ban nhân dân huyện G có tờ trình số: 25/TTr-UBND về việc xin chủ trương bán đấu giá phần đất có diện tích 2.321m² nói trên được Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang chấp thuận tại Công văn số 2348/UBND-CN ngày 15/5/2006 và phần đất được phân làm 13 lô nhưng chưa thực hiện được do phần đất tạm cấp cho ông T chưa thu hồi. Do đó Ngày 20/5/2013 của Ủy ban nhân dân huyện G ban hành Quyết định 708/QĐ-UBND “Về việc thu hồi quyết định số 959/QĐ.UB Ngày 21/10/1987 của Ủy ban nhân dân huyện về việc tạm cấp đất cho ông Đoàn Văn T” tại Điều I của Quyết định có nêu lý do thu hồi: “...tạm cấp để ông T xây dựng nhà máy xay xát lúa gạo, nay ông T không còn hoạt động xay lúa gạo”.

Tuy nhiên, Tại Quyết định 1183/QĐ-UBND Ngày 15/8/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc giải quyết khiếu nại của ông T xác định: “...*phần đất tạm cấp cho ông Đoàn Văn T là không đúng đối tượng được cấp ..., phần đất này ông T không có tên trong bộ thuế nông nghiệp, tờ bản đồ địa chính, sổ mục kê ông T không kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất; không thực hiện nghĩa vụ thuế nông nghiệp, thuế nhà ở theo quy định*”.

Như vậy tại Quyết định số 708/QĐ-UBND và Quyết định 1183/QĐ-UBND xác định lý do thu hồi đất của ông Đoàn Văn T còn có sự khác nhau. Việc thu thập chứng cứ làm rõ lý do thu hồi đất tạm cấp cho ông T là rất cần thiết mới có đủ căn cứ giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Ngoài ra, tại Điều 1 của Quyết định số 708/QĐ-UBND có nêu: “...*Giao Ủy ban nhân dân xã B tiến hành kiểm kê tài sản trên đất và xuất ngân sách xã hỗ trợ cho ông T (nếu có)*”. Đồng thời tại Quyết định giám đốc thẩm số 07/2019/HC.GĐT Ngày 22/02/2019 cũng có nhận định: “*Trong quá trình quản lý,*

sử dụng đất, gia đình ông T có trồng dừa, đào ao nuôi cá và trồng cây trên đất. Ủy ban nhân dân huyện G không xem xét đến công sức tu bổ, tôn tạo trên đất cho ông T là chưa đảm bảo quyền lợi cho ông T”. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện G nhưng chưa xem xét việc bồi thường hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất cho ông T theo nội dung tại Điều 1 của Quyết định 708/QĐ-UBND là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T.

Mặc dù tại Văn bản số 3046/UBND-NC ngày 05/11/2020 Ủy ban nhân dân huyện G có yêu cầu phòng Tài chính - Kế hoạch; Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Phòng Kinh tế hạ tầng làm tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc kiểm kê, áp giá hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc hoa màu của ông Đoàn Văn T. Và ngày 05/11/2020 phòng Tài chính – Kế hoạch huyện G lập biên bản định giá vật kiến trúc, cây trái hoa màu của ông Đoàn Văn T bằng tổng số tiền là 103.844.000 đồng, nhưng ông T có yêu cầu thẩm định lại tài sản theo Chứng thư chứng thư thẩm định giá ngày 29/5/2021 của Công ty cổ phần giám định thẩm định Sài Gòn đã định giá tài sản, vật kiến trúc, cây trái hoa màu của ông Đoàn Văn T trên đất bằng tổng số tiền là 197.811.000 đồng. Tuy nhiên chưa có Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây trái hoa màu trên đất bị thu hồi cho ông Đoàn Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện G cho rằng Ủy ban nhân dân huyện G chấp nhận bồi thường, hỗ trợ cho ông T theo biên bản định giá ngày 05/11/2020 bằng tổng số tiền là 103.844.000 đồng. Còn ông T cho rằng trong trường hợp giữ nguyên quyết định thu hồi đất thì phải giải quyết cho ông có phần đất khác để gia đình ông có chỗ ở và để mua bán sinh sống đồng thời phải bồi thường tài sản trên đất theo chứng thư thẩm định giá ngày 29/5/2021 của Công ty cổ phần giám định thẩm định Sài Gòn đã thẩm định đồng thời phải hoàn trả cho ông chi phí thẩm định giá mà ông đã nộp tạm ứng. Xét thấy việc thu hồi đất đồng thời xem xét việc bồi thường, hỗ trợ (hoặc không bồi thường, bồi thường) cho người có đất bị thu hồi cần được xem xét giải quyết trong cùng một vụ án mới đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người đang quản lý đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật đồng thời cũng đảm bảo việc giải quyết vụ án triệt để.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là chưa phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Đoàn Văn T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nghĩa vụ nộp tiền án phí hành chính được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính;

Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Chuyển chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2. Ông Đoàn Văn T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đoàn Văn T số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000069 ngày 11/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**